

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHÙNG THỊ AN NA

**NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT
QUA FOLKLORE VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Chủ nghĩa duy vật biện chứng
và Chủ nghĩa duy vật lịch sử
Mã số : 62 22 03 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Nga
2. PGS.TS. Đỗ Lan Hiền**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Folklore Việt Nam, hay văn hóa dân gian Việt Nam là kho tư liệu ít được khai thác về mặt triết học, vì người ta thường coi nó là thứ văn hóa truyền miệng, không bác học, có nhiều hạn chế, lạc hậu. Nói là dân gian nhưng không có nghĩa đây là sản phẩm của những người nông dân thất học, mà dân gian ở đây có thể là khuyết danh, “nó” cũng là sản phẩm của các bậc đại trí trong xã hội thời kỳ trước, chỉ có điều, họ chưa khái quát được thành hệ thống mà chỉ đúc kết ra từ những trải nghiệm cuộc sống, nhưng đó lại là cơ sở, nền tảng để sau này xây dựng thành các lý thuyết, hệ thống tư tưởng. Bởi, trong thứ văn hóa bình dân ấy đã ẩn chứa những khái niệm trừu tượng, ẩn chứa minh triết của cha ông chúng ta. Ở đó, chúng ta cũng có thể thấy được năng lực tư duy, những phán đoán, phân tích và sự nhận thức của người Việt, hay nói khác đi, văn hóa dân gian Việt Nam cho thấy giá trị bản nhiên của tư duy người Việt, không hoàn toàn vay mượn tư tưởng của Nho, Phật, Lão.

Nghiên cứu tư tưởng triết học trong các di sản tinh thần thuộc lĩnh vực văn hóa dân gian vốn được đặt ra từ lâu, song cho đến nay vẫn chưa được thực hiện. Đã có không ít các công trình và tác giả nghiên cứu Folklore Việt Nam dưới các góc nhìn văn hoá học, dân tộc học hay nhân học, giúp chúng ta biết được vô số điều thú vị, đặc sắc về cuộc sống, sinh hoạt, lao động sản xuất, văn hoá, tín ngưỡng của ông cha ta trên mảnh đất Việt Nam. Những nghiên cứu phong phú đó là cần thiết nhưng chưa đủ, con cháu hôm nay cần biết cha ông ngày xưa đã nghĩ gì qua những hoạt động và những biểu tượng vẫn được gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay. Do vậy, cần phải tiếp cận vấn đề này dưới góc độ triết học, liên

ngành triết học - văn hoá, nhằm soi tỏ những nội dung chủ yếu trong tư tưởng của người xưa. Việc nghiên cứu này còn cần thiết vì nằm trong khuôn khổ một nhiệm vụ lớn hơn là luận chứng cho sự tồn tại hệ thống các tư tưởng triết học của Việt Nam trong lịch sử.

Folklore thực sự là nơi quy tụ và kết tinh những triết lý nhân sinh sâu sắc của các bậc tiền nhân về con người, về hành vi, ứng xử và lẽ sống ở đời của con người. Những năm gần đây, có khá nhiều triết gia đi vào nghiên cứu vấn đề nhân sinh quan, nhưng tìm hiểu về mối liên hệ giữa những tư tưởng, triết lý nhân sinh trong kho tàng Folklore thì lại ít được quan tâm. Cũng có một vài nhà khoa học từng đặt vấn đề nghiên cứu tư tưởng triết học của người Việt qua những văn hóa bất thành văn, chỉ có điều, những tác phẩm này chưa đi vào phân tích nhân sinh quan triết học qua Folklore một cách đầy đủ, mà chỉ nghiên cứu tư tưởng dân tộc qua phong tục tập quán hay di chỉ khảo cổ của văn hóa vật thể (như trống đồng, mộ táng...) mà thôi. Thực chất, chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu một cách cụ thể nhân sinh quan của người Việt qua Folklore. Đây chính là nhiệm vụ của luận án, nhằm góp phần tìm hiểu sâu hơn về minh triết của người Việt qua một số loại hình Folklore, góp phần bổ sung thêm cho tư tưởng triết Việt, để lịch sử tư tưởng Việt Nam được toàn diện và hệ thống hơn.

Thêm nữa, nghiên cứu nhân sinh quan người Việt qua Folklore Việt Nam, nghĩa là chúng ta một lần nữa tìm về bản sắc văn hóa dân tộc, đề cao “tính dân tộc” của mình, bởi Folklore chính là văn hóa truyền thống của người Việt. Văn hóa dân gian Việt Nam rất phong phú, đa dạng, do vậy, việc tìm hiểu những biểu hiện triết học trong văn hóa dân gian giúp chúng ta thấy được tính độc đáo, đặc sắc của nền văn hóa

truyền thống Việt Nam. Khảo cứu nhân sinh quan người Việt qua Folklore không chỉ giúp củng cố giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là việc làm phát huy tinh thần yêu nước - yêu những giá trị văn hóa của dân tộc.

Với những lý do trên, tác giả chọn đề tài “*Nhân sinh quan người Việt qua Folklore Việt Nam*” làm đề tài luận án tiến sĩ triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích

Luận án tập trung làm rõ nhân sinh quan người Việt thể hiện qua Folklore Việt Nam, cụ thể là qua lễ hội và tín ngưỡng dân gian, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những giá trị tích cực, khắc phục những hạn chế trong nhân sinh quan đó.

2.2. Nhiệm vụ

- Làm rõ khái niệm nhân sinh quan và đặc thù nhân sinh quan của người Việt; khái niệm, đặc trưng của Folklore Việt Nam.

- Phân tích nhân sinh quan người Việt qua một số lễ hội và tín ngưỡng dân gian điển hình; chỉ ra những giá trị tích cực và những hạn chế trong nhân sinh quan đó.

- Dự báo xu hướng hoạt động của các lễ hội và tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những giá trị tích cực, khắc phục những hạn chế trong nhân sinh quan truyền thống người Việt qua các loại hình đó.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Nhân sinh quan người Việt qua một số lễ hội và tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Khái niệm “người Việt” trong luận án này dùng để chỉ người Việt truyền thống.

- Trong phạm vi của một luận án Tiến sĩ, chúng tôi chỉ có thể khảo cứu nhân sinh quan của người Việt qua 2 loại hình của Folklore là: lễ hội dân gian và tín ngưỡng dân gian. Đối với lễ hội, chúng tôi lựa chọn 3 lễ hội: *lễ hội đền Gióng, lễ hội đền Tả Trân và lễ hội Chử Đổng Tử*; với loại hình tín ngưỡng dân gian, chúng tôi chọn 3 tín ngưỡng: *tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng Phồn thực và tín ngưỡng Thờ nhiên thần* làm khách thể khảo sát và nghiên cứu.

Có thể nói, đây là những lễ hội và tín ngưỡng dân gian phản ánh một cách tương đối điển hình các triết lý nhân sinh truyền thống của người Việt trên ba môi quan hệ: gia đình, xã hội và môi trường tự nhiên mà đề tài có tham vọng phân tích.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng. Luận án cũng kế thừa các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết có liên quan đã được công bố.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp cụ thể như: phương pháp thống

nhất lịch sử - lôgic, phân tích - tổng hợp, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn... Luận án cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, quan sát thực địa, khảo cứu văn bản...

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Góp phần bổ sung lý luận cho công tác nghiên cứu triết học Việt Nam trên loại hình văn hóa dân gian/Folklore. Chứng minh cho những giá trị bản nhiên của tư duy người Việt từ khi chịu tiếp biến, ảnh hưởng của văn hóa - triết học ngoại lai.

- Góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề nhận thức luận triết học và các vấn đề liên quan đến Folklore Việt Nam, nhân sinh quan người Việt.

- Nghiên cứu nhân sinh quan người Việt qua Folklore từ góc nhìn triết học, luận án đã góp phần chỉ ra những xu hướng biến đổi của các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần phát triển tư duy lý luận cho người Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên chuyên ngành Triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu về triết học Việt Nam, văn hóa Việt Nam, tôn giáo ở Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận án là sự thể nghiệm hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc giữ gìn, phát huy các bản sắc và giá trị văn hóa, tinh thần truyền thống của dân tộc.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ của Học viện.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu làm 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NHÂN SINH QUAN VÀ FOLKLORE

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về Nhân sinh quan

Vì đề tài nghiên cứu nhân sinh quan theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nên chúng tôi đã khảo cứu khá nhiều công trình về nhân sinh quan dưới góc nhìn triết học mácxít. Một số tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến như: *Quan niệm của C. Mác, Ph. Ăngghen về con người và sự nghiệp giải phóng con người*; “*Vấn đề con người trong học thuyết Mác và phương hướng, giải pháp phát triển con người cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*”; “*Những tư tưởng cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên*”; “*Hiểu quan điểm của C.Mác về bản chất con người như thế nào...* Trong các công trình nêu trên, người đọc có thể hiểu được những vấn đề cơ bản về nhân sinh quan triết học mácxít như: bản chất con người là gì?, mối quan hệ của con người với con người trong xã hội, mối quan hệ của con người với giới tự nhiên, vấn đề giải phóng và phát triển toàn diện con người...

Một số công trình đi vào nghiên cứu vấn đề nhân sinh quan trong các học thuyết chính trị - xã hội và tôn giáo cũng là nguồn tư liệu quý cho chúng tôi khi triển khai thực hiện đề tài. Đó là các bài viết: “*Mối*

quan hệ giữa con người và tự nhiên trong quan niệm của Nho giáo”; “*Cách xem xét, đánh giá con người thông qua các mối quan hệ xã hội cơ bản của Nho giáo - một giá trị cần kế thừa và phát triển*”; “*Vấn đề con người trong đạo Phật*”; “*Vấn đề nhân sinh quan trong triết học Phật giáo thời Trần*”... Nhìn chung, vấn đề nhân sinh quan trong các học thuyết tôn giáo chủ yếu nghiên cứu con người từ góc độ bản ngã, cái tôi, chủ thể, từ phương diện tâm lý học, đạo đức học, luân lý học.

Một số tác phẩm đề cập đến vấn đề nhân sinh quan nói chung như: “*Mạn đàm nhân sinh*”; “*Hành trình nhân sinh quan: Phản tỉnh trên đường trải nghiệm*”...

Trong các công trình nêu trên, mặc dù chưa đưa ra được một khái niệm hay một hệ thống lý luận về nhân sinh quan, song các vấn đề liên quan đến nhân sinh quan được đề cập khá đầy đủ, toàn diện. Đây chính là nguồn tư liệu hết sức phong phú giúp chúng tôi hiểu rõ nhân sinh quan là gì, và gồm những nội dung gì?

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về Folklore Việt Nam

Có thể kể đến các công trình tiêu biểu như: *Dẫn luận nghiên cứu Folklore Việt Nam*; *Tiếp cận kho tàng Folklore Việt Nam*; *Hành trình vào thế giới Folklore Việt Nam*; *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian Việt Nam*; *Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam*; *Quan niệm về Folklore*; *Văn hoá dân gian - những lĩnh vực nghiên cứu*; *Văn hóa dân gian Việt Nam - những thành tố*...

Trong các công trình nêu trên, người đọc có thể hiểu được những nét cơ bản về Folklore Việt Nam. Đó là những tri thức về khái niệm, đặc trưng, thể loại của Folklore, là những tri thức về nguồn gốc, bản chất của văn hóa dân gian Việt Nam.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT QUA LỄ HỘI DÂN GIAN VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

1.2.1. Nhóm công trình bàn về nhân sinh quan của người Việt qua lễ hội dân gian

Các công trình mà chúng tôi khảo cứu bao gồm: *Bản sắc văn hoá lễ hội: văn hóa dân gian đặc sắc qua những lễ hội dân gian trong năm; Hội hè đình đám; Văn hóa lễ hội dân gian cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Lễ hội dân gian trong đời sống xã hội hiện tại; “Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay”; “Hội lễ dân gian và sự phản ánh những truyền thống của dân tộc”*... Khảo cứu các công trình nghiên cứu về lễ hội nói chung, chúng tôi nhận thấy, mặc dù đa số các tác phẩm chỉ miêu tả diện mạo của lễ hội hoặc nêu lên ý nghĩa, biểu trưng của lễ hội, song lần khuất đâu đó vẫn là những quan niệm sống, triết lý sống mà ông cha ta muốn gửi gắm thông qua các lễ hội, đặc biệt là qua các lễ hội nông nghiệp.

1.2.2. Nhóm công trình bàn về nhân sinh quan của người Việt qua tín ngưỡng dân gian

Bàn về tín ngưỡng dân gian có thể kể đến các tác phẩm: *Tín ngưỡng Việt Nam (quyển Hạ); Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam (quyển Thượng); Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam; Tản mạn về tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Việt; “Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian ở Việt Nam”; “Nguyên lý mẹ của nền văn hóa Việt Nam”; “Khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt vùng đồng bằng Bắc bộ”; Văn hóa phồn thực Việt Nam; “Tín ngưỡng phồn thực nhìn từ góc độ văn hóa lịch sử”; Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam; Thần, Người và Đất Việt; Một số đặc điểm của thờ*

cúng Sơn Tinh - Tản viên ở miền Bắc; “Tục thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam”... Nhìn chung, trong các tác phẩm nêu trên, đối tượng được tôn thờ đều là những “thần” gần gũi và gắn bó với người dân, đặc biệt là các vị thần, thánh trong tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng phồn thực và tín ngưỡng thờ nhiên thần. Qua đó, các tác giả cho chúng ta những dẫn chứng sinh động về mối quan hệ giữa con người với thế giới thần linh do chính họ tạo ra. Đồng thời, cho ta thấy các loại hình tín ngưỡng Việt Nam đều có giá trị nhân sinh sâu sắc, trở thành sợi dây nối liền con người với con người, có tác dụng liên kết cộng đồng, tạo nên sức mạnh đoàn kết vô cùng rộng lớn.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH ĐỀ CẬP ĐẾN VẤN ĐỀ KẾ THỪA VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT ĐẸP, HẠN CHẾ NHỮNG TIÊU CỰC TỪ NHÂN SINH QUAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT

Có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu: Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay; Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa ; Tìm hiểu giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập.. Các công trình này đề cập đến các vấn đề giá trị đạo đức truyền thống, giá trị văn hoá truyền thống và sự chuyển biến của chúng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời cũng đề cập tương đối toàn diện vấn đề khai thác, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống trong chiến lược phát triển con người Việt Nam.

Các Luận án tiến sĩ Triết học đề cập đến vấn đề này là: “Kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc trong việc xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay”; “Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức

truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”; “*Kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay*”; “*Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*”... Các luận án đã phân tích một cách tương đối hệ thống và luận giải những vấn đề lý luận về giá trị đạo đức truyền thống, nhân cách con người cũng như tính tất yếu của việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống, từ đó, đề xuất một số giải pháp để việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống đối với nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam hiện nay được tốt hơn.

1.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỂ LUẬN ÁN TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT

Một là, các công trình nêu trên chưa chú trọng đến việc chỉ ra đặc thù của nhân sinh quan người Việt. Các công trình nghiên cứu cũng chỉ nêu sơ lược, vắn tắt một vài khía cạnh thuộc về nhân sinh quan mà chưa tập trung nhiều vào việc chỉ ra những giá trị của nhân sinh quan người Việt trong tiến trình của lịch sử tư tưởng dân tộc. Vấn đề đặt ra cho luận án là tiếp tục kế thừa, bổ sung, làm sâu sắc hơn lý luận về nhân sinh quan, chỉ ra được đặc thù của nhân sinh quan người Việt, xác định rõ tầm quan trọng của nhân sinh quan người Việt truyền thống trong việc xây dựng nhân sinh quan mới cho người Việt Nam hiện nay.

Hai là, trong các công trình liên quan đến đề tài Folklore/văn hóa dân gian, các tác phẩm chủ yếu phân tích đặc trưng của loại hình Folklore, hoặc là giá trị của Folklore trong đời sống xã hội đương đại, mà rất ít, thậm chí bỏ qua việc tìm hiểu nhân sinh quan của người Việt thể hiện như thế nào qua Folklore, đặc biệt là qua lễ hội và tín ngưỡng dân gian. Đó chính là nhiệm vụ của luận án.

Ba là, nhóm công trình viết về nhân sinh quan người Việt qua các loại hình Folklore đa phần là những tác phẩm bàn đến một khía cạnh nhất định của vấn đề nhân sinh quan qua một loại hình cụ thể của Folklore. Rất ít các công trình đặt vấn đề nghiên cứu một cách hệ thống những biểu hiện của nhân sinh quan người Việt qua Folklore Việt Nam. Luận án này sẽ cố gắng hệ thống một cách cơ bản những nét độc đáo của nhân sinh quan người Việt qua một số loại hình Folklore, cụ thể là lễ hội dân gian và tín ngưỡng dân gian.

Bốn là, trong các công trình trên, phần nào đã đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy giá trị tốt đẹp của nhân sinh quan truyền thống dân tộc. Tuy nhiên, các công trình đó chưa chú trọng tới các giải pháp nhằm phát huy giá trị tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nhân sinh quan người Việt từ kho tàng nghiệm sinh Folklore trong công cuộc xây dựng nhân sinh quan mới, lối sống mới, con người mới hiện nay. Vấn đề đặt ra cho luận án là đề xuất được các nhóm giải pháp đáp ứng những yêu cầu đó.

Chương 2

NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT VÀ FOLKLORE VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. NHÂN SINH QUAN VÀ NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT

2.1.1. Nhân sinh quan

Nhân sinh quan là một phạm trù dùng để chỉ những quan niệm, quan điểm mang tính định hướng của con người về mối quan hệ của họ với gia đình, xã hội và môi trường tự nhiên.

Có rất nhiều cách phân chia các loại hình của nhân sinh quan, có thể phân chia từ góc độ nhân sinh quan cá nhân hay nhân sinh quan cộng đồng, có thể phân chia dựa trên vai trò của nhân sinh quan (tích cực hay tiêu cực), hoặc có thể phân chia theo trình độ nhận thức và tư duy của con người.

Tiếp cận từ cách phân chia dựa trên vai trò của nhận thức và lý tính, chúng tôi nhận thấy, trong quá trình phát triển của mình, nhân sinh quan tồn tại dưới ba hình thức cơ bản: nhân sinh quan thần thoại, nhân sinh quan tôn giáo, nhân sinh quan triết học.

2.1.2. Nhân sinh quan người Việt

Chúng tôi có thể chỉ ra một số đặc thù sau:

Một là, đặc thù nhân sinh quan người Việt thường gắn bó chặt chẽ với vận mệnh của dân tộc, các triết lý nhân sinh của người Việt đều giải đáp những vấn nạn mà người Việt gặp phải trên con đường dựng nước và giữ nước của họ.

Hai là, nhân sinh quan người Việt luôn gắn liền với các điều kiện sinh tồn của họ, đó là nông nghiệp (lúa nước), nông thôn (thiết chế làng - xã) và con người (nông dân), được triển khai trong một hệ thống hoàn chỉnh trên mọi chiều kích của các mối quan hệ: lao động - sản xuất, môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội, gia đình, dòng tộc, họ hàng...

Ba là, nhân sinh quan người Việt là mẫu số chung của phép cộng các triết lý nhân sinh của các tộc người - mà các tộc người này trong quá trình cộng cư lâu dài, đã diễn ra sự đan xen văn hoá, với dòng chủ lưu, cốt lõi là văn hóa Việt/Kinh, hấp lực các nền văn hoá của các tộc người khác xung quanh mình nhưng không phá vỡ diện mạo riêng có của nó.

Bốn là, nhân sinh quan người Việt thường được biểu đạt qua hai dòng: văn hoá dân gian (Folklore) và văn hoá bác học hàn lâm (Academic). Cả hai dòng ấy đều có sự đan xen, thâm thấu, ảnh hưởng lẫn nhau, tạo ra những giá trị và những bản sắc cho nhân sinh quan người Việt.

Năm là, thái độ trọng nghĩa - tình là truyền thống của văn hóa Việt Nam, nó được phản ánh khá đậm nét trong nhân sinh quan người Việt. Trong ứng xử, người Việt luôn nêu cao triết lý nhân nghĩa, thủy chung, quý trọng con người, trọng tình làng nghĩa xóm

Sáu là, vì nằm giữa hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ, trong quá trình phát triển, nhân sinh quan người Việt đã tiếp thu (dù cưỡng bức hay chủ động) nhiều yếu tố trong triết lý nhân sinh của hai nền văn hoá trên qua hệ thống các học thuyết triết học của nó như Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo.

2.2. FOLKLORE VIỆT NAM – KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG, CÁC LOẠI HÌNH

2.2.1. Khái niệm

Folklore được định nghĩa là “kiến thức của nhân dân”, “trí tuệ của nhân dân” (folk: đại chúng, nhân dân; lore: trí tuệ, trí khôn; Folklore = kiến thức, trí tuệ của nhân dân). Folklore là toàn bộ những sáng tác có tính chất nghệ thuật của nhân dân trong mọi thời đại, tương đương với thuật ngữ văn nghệ dân gian hoặc nghệ thuật dân gian.

Ở Việt Nam, Folklore được dịch là văn hóa dân gian bao hàm những ý nghĩa sau: hiểu theo nghĩa rộng là những giá trị vật chất và tinh thần do dân chúng sáng tạo (folk culture); hiểu theo nghĩa hẹp là những sáng tạo của dân chúng mang tính nghệ thuật.

2.2.2. Đặc trưng

Truyền thống lịch sử và xã hội Việt Nam đã quy định những nét đặc trưng của văn hóa nước ta. Đó là văn hóa xóm làng trội hơn văn hóa đô thị, văn hóa truyền miệng lấn át văn hóa chữ nghĩa, ứng xử duy tình nặng hơn duy lý... Truyền thống đó cũng tạo nên những nét đặc trưng cho Folklore Việt Nam là: tính nguyên hợp, tính tập thể và tính nghiệm sinh.

2.2.3. Các loại hình Folklore Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu triển khai công tác sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian trên các lĩnh vực sau:

* *Ngữ văn dân gian/Văn học dân gian*

* *Nghệ thuật dân gian*

* *Tri thức dân gian*

* *Tín ngưỡng, phong tục, lễ hội*

2.3. FOLKLORE - MỘT HÌNH THỨC THỂ HIỆN ĐỘC ĐÁO CỦA NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT

Folklore là một loại hình văn hóa được sáng tạo và lưu hành trong dân gian qua nhiều thế hệ. Nó xuất hiện cùng với sinh hoạt của đời sống thường ngày, trong lao động, trong đời sống tình cảm, trong các mối tương quan cá nhân - xã hội. Bản chất của Folklore là bình dân vì nó phản ánh nếp sống và tâm tình của dân gian, tình cảm gia đình, quê hương, đất nước... Nói cho cùng, Folklore không thể dựng nên một hệ thống triết lý, những giáo điều, những qui luật triết học để con người lấy đó làm kim chỉ nam/phương pháp luận cho mọi hành động. Song, trong thứ tư tưởng dường như là mơ hồ nhưng đầy ẩn ý mà chúng tôi khảo

cứu qua các lễ hội, tín ngưỡng dân gian Việt Nam (ở chương sau), có thể khẳng định rằng, Folklore không “chở suông” những *tâm, ý, trí, tình...* của người Việt, mà nó chất chứa những tình cảm, tâm tư của người Việt, từ đó, xây dựng nên một nhân cách, một nhân chủ của vũ trụ.

Chương 3

NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ LỄ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN - GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ

3.1. NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ LỄ HỘI DÂN GIAN

3.1.1. Triết lý yêu nước qua lễ hội đền Gióng

Yêu nước là một truyền thống sâu bền, cao đẹp, không còn dừng lại ở trình độ một nhận thức, một tình cảm, mà đã trở thành một chủ nghĩa, một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, có tác dụng to lớn trong việc động viên, cổ vũ mọi người dân sẵn sàng đứng lên bảo vệ Tổ quốc khi có nguy cơ xâm lược từ ngoài tới, hay góp hết tinh thần và sức lực vào sự nghiệp xây dựng, kiến thiết đất nước. Hội Gióng (Sóc Sơn và Phù Đổng) là lễ hội tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng. Lễ hội mô phỏng một cách sinh động diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang trong cuộc chiến chống giặc Ân, thông qua đó, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống thượng võ, ý chí quật cường và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc.

3.1.2. “Hiếu học” - một triết lý nhân sinh của người Việt qua lễ hội đền Tống Trân

Lễ hội đền Tống Trân được tổ chức hàng năm từ mùng 9 đến 15 tháng 4 âm lịch tại làng An Cầu, Phù Cừ, Hưng Yên. Trong lễ hội, lễ

rước nước (rước mực) và nghiên bút là một nét đẹp văn hóa tôn vinh việc học hành. Nó thể hiện tinh thần hiếu học vốn có của một làng quê, nhưng hơn hết, đó là một lễ hội của sự thành kính những người tài đức và nêu cao giá trị của việc học trong tâm thức của nhiều thế hệ người dân ở vùng quê này nói riêng, của đất nước Việt Nam nói chung.

3.1.3. Quan niệm về hôn nhân, hạnh phúc gia đình qua lễ hội Chử Đồng Tử

Lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung (Khoái Châu, Hưng Yên) được tổ chức ở nhiều nơi, nhưng nổi tiếng nhất là lễ hội ở hai ngôi đền Đa Hòa, Dạ Trạch từ mùng 10 đến 12 tháng 2 âm lịch hàng năm. Lễ hội Chử Đồng Tử phản ánh triết lý nhân sinh của người Việt về tình yêu - hôn nhân - hạnh phúc. Đó là những quan niệm vô cùng cao đẹp và đáng mơ ước của người dân về cuộc sống hôn nhân gia đình, với điểm tựa là tình yêu chân thành và cái đích là hạnh phúc trọn vẹn. Song ẩn chứa trong câu chuyện hôn nhân Tiên Dung - Chử Đồng Tử chính là sự phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai quan điểm sống, đấu tranh với thiết chế chính trị - xã hội đương thời của người Việt xưa.

3.2. NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG DÂN GIÀN

3.2.1. Quan điểm “trọng nữ” qua tín ngưỡng thờ Mẫu

Triết lý tôn thờ, đề cao phụ nữ trong nhân sinh quan người Việt được thể hiện qua những yếu tố sau: Trong các truyền thuyết, thần thoại của người Việt từng ghi lại dấu vết của chế độ Mẫu hệ; Vai trò kinh tế của người phụ nữ được phát huy trong điều kiện kinh tế nông nghiệp lúa nước; Trong quan hệ gia đình, người mẹ vẫn là nhất (*Cha sinh không bằng mẹ dưỡng*), hoặc ít ra cũng ngang hàng với người Cha (*Công cha*

như núi Thái sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra...). Ngoài xã hội, người phụ nữ vẫn được coi trọng (có quyền xưng Vương: Bà Trưng, Bà Triệu; *lệnh ông không bằng công bà*); Thêm nữa, người Việt có lối tư duy phồn thực, đề cao những yếu tố *Sinh, Dương, Dục* (Sinh sản/dục; Nuôi dưỡng; Giáo dục), mà những yếu tố đó, trong quan niệm của người Việt đều là thuộc tính của Mẫu.

3.2.2. Quan niệm “phồn thịnh” qua tín ngưỡng phồn thực

Ở Việt Nam, tín ngưỡng phồn thực là loại hình tín ngưỡng tôn thờ sự sinh sản, sinh sôi, nảy nở của cả giới tự nhiên và con người để duy trì và phát triển sự sống. Vì cầu mong sự sinh sôi, nảy nở nên con người tôn thờ hai đối tượng cơ bản được coi là công cụ của sự sinh sản, đó là Sinh thực khí và Hành vi giao phối. Thông qua các quan niệm của tín ngưỡng phồn thực, nhất là triết lý âm dương đã góp phần vào việc hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt. Mọi quá trình phát sinh, phát triển của thế giới và con người đều là sự dung hợp, hoà quyện giữa âm và dương, nam và nữ, đực và cái... Qua biến thiên của lịch sử, tín ngưỡng phồn thực trở thành một thứ trầm tích văn hóa trong văn hóa Việt Nam. Tín ngưỡng ấy thể hiện khát vọng về sự sinh sôi, nảy nở, thể hiện ước vọng phong đăng, phồn thịnh của người dân trong cuộc sống.

3.2.3. Lối sống “hòa mình” với tự nhiên qua tín ngưỡng thờ nhiên thần

Tín ngưỡng thờ nhiên thần của các cộng đồng người Việt thể hiện một triết lý sống hài hòa giữa con người với giới tự nhiên. Có thể lý giải từ các khía cạnh sau đây: Một là, một đất nước nông nghiệp nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa như Việt Nam, điều kiện tự nhiên đóng vai trò quyết định đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân, từ

đó, nảy sinh nhu cầu tôn thờ những “vị thần” thuộc giới tự nhiên; Hai là, với một nền kinh tế thuần nông, tương đối lạc hậu, công cụ lao động thô sơ nên người Việt xưa coi giới tự nhiên chính là “nguồn sống” của mình, từ đó mà có thái độ “hòa”, “tuân phục” giới tự nhiên; Ba là, lối sống hòa mình với thiên nhiên còn có thể được lý giải bởi sự ảnh hưởng của các hệ tư tưởng, các lý thuyết tôn giáo phương Đông (*Tam giáo*) đến tư duy người Việt; Bốn là, do ảnh hưởng của triết lý *Tam tài* (Thiên - Địa - Nhân) mà người Việt luôn có xu hướng tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng quy luật phát triển hài hòa của giới tự nhiên.

3.3. NHỮNG GIÁ TRỊ TÍCH CỰC, NHỮNG HẠN CHẾ TỪ NHÂN SINH QUAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ LỄ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

3.3.1. Những giá trị tích cực của nhân sinh quan truyền thống qua một số lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Thứ nhất, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức quốc gia, lối sống đề cao tính cộng đồng, tập thể của người Việt có mặt tích cực là coi trọng tình làng nghĩa xóm, đề cao tinh thần đoàn kết, hoà thuận, tương thân tương ái, không chấp nhận lối sống hờ hững, vô trách nhiệm.

Thứ hai, tinh thần hiếu học là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Sự hiếu học ấy đã tạo điều kiện sản sinh nhiều bậc anh tài, các trung thần, những anh hùng dân tộc..., góp phần quan trọng cho sự nghiệp giải phóng và kiến thiết nước nhà.

Thứ ba, triết lý nhân sinh duy tình của người Việt có mặt tích cực của nó trong mọi mối quan hệ xã hội, dù xã hội phải vận hành theo hướng duy lý, song vẫn rất cần xem xét đến yếu tố tình cảm để con người và xã hội không trở thành một cỗ máy biết nói, biết tư duy.

Thứ tư, tư tưởng đề cao, coi trọng vai trò của người phụ nữ đã góp phần tích cực trong cuộc đấu tranh cho “nữ quyền”, tiến tới thực hiện “bình đẳng giới”.

Thứ năm, khát vọng phồn thịnh của dân tộc khiến tư duy người Việt trở nên thực tế, có ý chí vươn lên, có khát vọng làm giàu.

Thứ sáu, lối sống hoà đồng với thiên nhiên khiến người Việt trở nên gần gũi, thích nghi với sự biến thiên thất thường của thiên nhiên, tính cách linh hoạt, lối sống năng động hơn, biết khắc phục và kìm hãm thiên tai, lựa theo tự nhiên mà sản xuất và mưu sinh.

3.3.2. Những hạn chế của nhân sinh quan truyền thống qua một số lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Một là, mặt trái của lòng yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng là tính cục bộ, kéo bè kéo cánh, ê kíp.

Hai là, mặt trái của hiếu học là hiếu danh, trọng danh. Đi liền với tính trọng danh là thói háo danh, mua danh.

Ba là, triết lý sống trọng tình nghĩa, duy tình, duy cảm dẫn đến lối sống dung hòa, xu thời, cam chịu, du di, xuê xòa, nhút nhát, tùy tiện, thiếu triết đề, ý thức pháp luật chưa cao.

Bốn là, triết lý nhân sinh đề cao vị trí, vai trò và thân phận của người phụ nữ bộc lộ những hạn chế nhất định. Chẳng hạn, thứ văn hóa thiên về âm tính, trọng tình, du di, xuê xòa của người phụ nữ tạo nên tính cách xởi lởi, thích giao tiếp nhưng chỉ ở trong phạm vi của một cộng đồng quen thuộc, còn khi đã vượt ra khỏi phạm vi của cộng đồng đó thì người Việt lại tỏ ra rụt rè, thiếu sự tự tin.

Năm là, lối tư duy phù thịnh đầy thực tế của người Việt có thể dẫn tới lối sống thực dụng, duy vật chất, duy kinh tế.

Sáu là, sự gắn bó, thân thiện, hòa mình với thiên nhiên dẫn đến chỗ người Việt hình thành lối sống lệ thuộc, trông chờ, ỷ lại vào thiên nhiên ưu đãi, dễ sinh ra lười biếng lao động, khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách tùy ý...

Chương 4

XU HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA LỄ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN VÀ GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC YẾU TỐ TIÊU CỰC, PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÍCH CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT QUA CÁC LOẠI HÌNH ĐÓ

4.1. DỰ BÁO MỘT SỐ XU HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA LỄ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN Ở VIỆT NAM

Thứ nhất, xu hướng mê tín hóa lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Thứ hai, xu hướng thương mại hoá lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Thứ ba, xu hướng trần tục hoá lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Thứ tư, xu hướng áp đặt, khuôn mẫu, đơn điệu hóa lễ hội

Thứ năm, xu hướng sân khấu hóa lễ hội

Thứ sáu, xu hướng nảy sinh một số tệ nạn xã hội và vấn đề xã hội mới từ lễ hội và tín ngưỡng dân gian

4.2. MỘT SỐ NHÓM GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÍCH CỰC, HẠN CHẾ YẾU TỐ TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT QUA LỄ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

4.2.1. Nhóm giải pháp tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để nhân dân hiểu rõ những giá trị văn hoá, lịch sử của lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Cần nâng cao ý thức của mọi người tham gia lễ hội để người dân đến với lễ hội là đến với không gian văn hóa tinh thần, với sinh hoạt văn

hóa cộng đồng, với tâm thức hướng về cội nguồn chứ không chỉ để cầu lộc, cầu danh. Cùng với các hoạt động trên, cần tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng phòng ngừa những hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội khác sống ký sinh trong lễ hội và tín ngưỡng...

4.2.2. Nhóm giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động lễ hội và tôn giáo, tín ngưỡng

- Tăng cường quản lý lễ hội dân gian và tín ngưỡng dân gian bằng cách hoàn thiện các thể chế luật pháp - chính sách.

- Tăng cường quản lý lễ hội, hoạt động tín ngưỡng bằng giám sát, kiểm tra.

- Tăng cường quản lý lễ hội và hoạt động tín ngưỡng bằng cách đào tạo cán bộ quản lý văn hóa, quản lý tôn giáo.

4.2.3. Nhóm giải pháp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị văn hoá và nhân văn của lễ hội và tín ngưỡng dân gian

Cần tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, sưu tầm, biên soạn các điển tích, nghiên cứu các lịch sử lễ hội và tín ngưỡng, xuất bản các bộ sách ghi chép các nghi lễ, phong tục của các tộc người Việt Nam và các bộ sách về các loại hình Folklore Việt Nam.

Cần phát huy hơn nữa vai trò phản biện của các nhà khoa học và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan. Cần tiếp tục tổ chức các hội thảo chuyên đề về công tác lễ hội...

Rà soát lại toàn bộ các lễ hội, nghi lễ, phong tục, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc Việt Nam, xem cái nào còn, cái nào mất, cái nào phù hợp với đời sống mới ngày nay, cái nào là lỗi thời, lạc hậu, mê tín, dị đoan. Cần nghiên cứu, phục hồi một số hình thức sinh hoạt lễ hội đã

biên mất, hoặc bị mai một nhưng có giá trị nhân sinh tốt đẹp, mang ý nghĩa giáo dục cao...

4.2.4. Một số giải pháp cụ thể khác

Cần giảm tần suất, thời gian tổ chức lễ hội, chỉ nên tổ chức một cách chặt chẽ những lễ hội nào thực sự cần thiết.

Coi trọng tính đặc thù, độc đáo của mỗi lễ hội, tránh cào bằng, đồng loạt, dẫn đến sự đơn điệu, nhàm chán của sinh hoạt lễ hội.

Cần khắc phục cách xử lý lễ hội theo “*kịch bản*”, đưa vào lễ hội những ý đồ chủ quan của con người.

Có chính sách quan tâm hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước ở các cấp để tổ chức lễ hội có nhiều giá trị văn hoá đặc sắc.

Cần trao quyền tổ chức điều hành, nội dung cho chủ thể văn hóa, tránh “nhà nước hóa” hoạt động lễ hội và tín ngưỡng dân gian.

Ban tổ chức các lễ hội cần xây dựng được các phương án bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự và giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan trong suốt thời gian lễ hội diễn ra.

Các cơ quan thông tin đại chúng cần làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội.

KẾT LUẬN

Nhân sinh quan người Việt là một bộ phận của triết học Việt Nam. Trước đây chúng ta thường chú ý nghiên cứu nhân sinh quan triết học ở các tác phẩm thành văn mà bỏ qua kho tàng văn hóa dân gian/Folklore của dân tộc. Nhiều triết lý ẩn tàng trong Folklore mà triết học không có, do vậy, nghiên cứu Folklore để mở rộng triết học Việt Nam. Nghiên cứu

nhân sinh quan người Việt qua Folklore cũng nhằm củng cố giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án đã làm rõ những nội dung sau:

1. Nhân sinh quan là những quan niệm, quan điểm mang tính định hướng của con người về mối quan hệ của họ với gia đình, xã hội và môi trường tự nhiên. Nhân sinh quan người Việt là những quan niệm về cuộc sống, gắn với các điều kiện nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam, phản ánh mối quan hệ của người Việt trong các mối quan hệ: lao động - sản xuất, môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội, gia đình, dòng tộc, họ hàng..., trong đó, nổi bật là lối sống trọng nghĩa - tình, tinh thần hòa đồng, bao dung... Nhân sinh quan người Việt được thể hiện một cách độc đáo qua kho tàng Folklore/Văn hóa dân gian Việt Nam.

2. Folklore là một chỉnh thể bao gồm nhiều thành tố như ngữ văn dân gian, nghệ thuật dân gian, tri thức dân gian, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội. Luận án nghiên cứu những triết lý nhân sinh của người Việt ẩn mình trong lễ hội và tín ngưỡng, để qua đó, tìm ra được những tư tưởng triết học bình dân của cha ông ta thời xưa, góp phần bổ sung cho kho tàng tư duy của dân tộc.

3. Các giá trị bản nhiên của người Việt, các triết lý nhân sinh của cha ông ta được thể hiện trong những loại hình văn hóa dân gian độc đáo, đó là triết lý yêu nước qua lễ hội đền Gióng; tinh thần hiếu học qua lễ hội đền Tống Trân; quan niệm về hôn nhân, gia đình hạnh phúc qua lễ hội Chử Đồng Tử; sự tôn thờ, đề cao người phụ nữ qua tín ngưỡng thờ Mẫu; lối tư duy thực tế, “phồn thịnh” qua tín ngưỡng phồn thực; lối sống “hài hòa” với tự nhiên qua tín ngưỡng thờ nhiên thần...

4. Việt Nam đang trên bước đường hội nhập và phát triển, tất cả những giá trị tốt đẹp của nhân sinh quan truyền thống đã từng được người Việt phát huy trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Giờ đây, những giá trị tích cực đó vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tình cảm và quan hệ xã hội của con người Việt Nam và tác động đối với sự phát triển của đất nước. Song, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, những hạn chế của nhân sinh quan truyền thống sẽ là rào cản khiến chúng ta thêm khó khăn trên con đường xây dựng đất nước.

5. Từ việc phân tích các triết lý nhân sinh trong lễ hội và tín ngưỡng dân gian, cùng với việc chỉ ra những giá trị tích cực, những hạn chế của nhân sinh quan truyền thống người Việt qua các loại hình đó, luận án đưa ra dự báo về các xu hướng biến đổi của lễ hội và tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam, đồng thời, đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm phát huy những giá trị tích cực, khắc phục những yếu tố tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

- 1, Phùng Thị An Na (2010), “Về vị trí của nền thần học triết học Tây Âu trung cổ”, *Tạp chí Triết học*, (6), tr. 67-70.
- 2, Phùng Thị An Na (2010), “Quan điểm của Lênin về nguồn gốc của tôn giáo và ý nghĩa của quan điểm đó”, trong sách *Di sản Lê nin trong thế giới ngày nay và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 726-730.
- 3, Phùng Thị An Na (2011), “Lại bàn về ảnh hưởng của tôn giáo đến tư duy của người Việt”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, (10), tr. 10-15.
- 4, Phùng Thị An Na, Đỗ Lan Hiền (2011), *Ảnh hưởng của tư duy tôn giáo đến lối sống của người Việt*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 174 tr.
- 5, Đỗ Lan Hiền, Phùng Thị An Na (2012), “Tín ngưỡng thờ Nữ thần ở Việt Nam từ góc nhìn “bình đẳng giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (8), tr. 53-58.
- 6, Phùng Thị An Na (2013), “Những cống hiến của Ph.Ăngghen trong việc xây dựng Chủ nghĩa vô thần khoa học”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr. 8-11.
- 7, Phùng Thị An Na (2013), “Dấu ấn phồn thực trong thơ Hồ Xuân Hương”, *Thông tin Chủ nghĩa xã hội, Lý luận và thực tiễn*, (40), tr. 33-36.
- 8, Phùng Thị An Na (2015), “Bình đẳng giới” nhìn từ góc độ tôn giáo, tín ngưỡng - trường hợp thờ Mẫu ở Việt Nam”, trong sách *Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 143-155.
- 9, Phùng Thị An Na (2015), “Đạo Tin lành trong cộng đồng người Thái vùng Tây Bắc”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (1), tr. 84-90.
- 10, Phùng Thị An Na (2015), “Mối quan hệ con người - tự nhiên qua tín ngưỡng thờ nhiên thần ở Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (7), tr. 42-47.
- 11, Phùng Thị An Na (2015), “Triết lý nhân sinh của người Việt qua một số lễ hội dân gian”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (8), tr. 55-59.
- 12, Phùng Thị An Na (2015), “Ngôi chùa trong đời sống người Khmer vùng Tây Nam bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (11), tr. 102-107.